

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-7-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Thu Hà

Ông Đồng Xuân Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Phương T, sinh năm 1993; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã A, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã D, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn T2, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn S, xã A, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2018 cùng các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, chị Dương Thị Phương T (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Dương Thị Phương T và anh Trịnh Văn T2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa

phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T1, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2011 ngày 25 tháng 01 năm 2011. Chị T và anh T2 chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh, cãi lộn nhau. Do mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03 năm 2014 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Văn T2.

Về con chung: Chị Dương Thị Phương T và anh Trịnh Văn T2 có một con chung tên Trịnh Hải Đ sinh ngày 26 tháng 02 năm 2011. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung tên Trịnh Hải Đ. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị để chị và anh T2 tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T trình bày chị và anh T2 không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Dương Thị Phương T đã nộp cho Tòa án: Giấy kết hôn số 20/2011 ngày 25 tháng 01 năm 2011; Bản sao: Sổ hộ khẩu của anh Trịnh Văn T2 và của chị Dương Thị Phương T; Giấy khai sinh của con chung; Chứng minh nhân dân để chứng minh cho yêu cầu của mình. Anh Trịnh Văn T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 33/TB-TA ngày 11/6/2018 và đã không có ý kiến, quan điểm gì đối với các tài liệu, chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Dương Thị Phương T vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và không bổ sung gì thêm.

Bị đơn là anh Trịnh Văn T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự song đến ngày mở phiên tòa, anh Trịnh Văn T2 vẫn không trình bày thêm ý kiến gì về việc chị Dương Thị Phương T xin ly hôn.

Tại các biên bản xác minh, làm việc ngày 15/5/2018 của Tòa án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện T1, thành phố Hải Phòng thể hiện nội dung, anh T2 đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, đã biết được chị T có đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng anh T2 không trình bày quan điểm của mình cũng như không chấp hành việc đến Tòa án theo nội dung Giấy triệu tập, Thông báo của Tòa án và không có trình bày ý kiến gì.

Tại 02 biên bản xác minh ngày 15/5/2018 và biên bản lấy lời khai của bà Bùi Thị L là mẹ đẻ của anh T2 vào ngày 24/4/2018 thể hiện chị T và anh T2 sau

khi kết hôn cùng về chung sống tại Thôn S, xã A, huyện T1, thành phố Hải Phòng cùng với bà Liên. Thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc, sau đó khoảng một năm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng, quan điểm sống không hòa hợp nên hay xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng từ năm 2012 dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay và không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa chị T và anh T2 đã kéo dài, tình trạng trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không có, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn.

Trong vụ án này: Lời trình bày của chị Dương Thị Phương T về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà chị giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, anh Trịnh Văn T2 không trình bày ý kiến của mình, không có ý kiến gì khác nên không thuộc trường hợp cần phải chứng minh. Quan hệ tài sản, công nợ chung phát sinh từ quan hệ hôn nhân, chị T không yêu cầu giải quyết và anh T2 không trình bày ý kiến nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án giải quyết cho chị Dương Thị Phương T và anh Trịnh Văn T2 được ly hôn. Về con chung: Chị T và anh T2 có một con chung tên Trịnh Hải Đ sinh ngày 26 tháng 02 năm 2011. Con chung Trịnh Hải Đ có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ để khi ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trịnh Hải Đ. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T đề nghị để chị và anh T2 tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung: Chị T trình bày không có tài sản chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Chị Dương Thị Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị T và anh T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Chị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh T2 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T2.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị Phương T và anh Trịnh Văn T2 được xác lập vào năm 2011 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng kể từ năm 2014 dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, cãi nhau, hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn sâu sắc đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn nên chị Dương Thị Phương T xin ly hôn với anh Trịnh Văn T2. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Phương T với anh Trịnh Văn T2.

[3] Về con chung: Chị Dương Thị Phương T và anh Trịnh Văn T2 có một con chung tên Trịnh Hải Đ sinh ngày 26 tháng 02 năm 2011. Con chung Trịnh Hải Đ có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ đẻ khi ly hôn và hiện vẫn đang sinh sống ổn định với chị T kể từ khi chị sống ly thân tới nay. Chị T có công việc thu nhập, thời gian và nơi cư trú ổn định đảm bảo được việc nuôi dưỡng cho con chung nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Trịnh Hải Đăng cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị T trình bày để tự thỏa thuận giải quyết và anh T2 không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Dương Thị Phương T và anh Trịnh Văn T2 không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Dương Thị Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị Phương T và anh Trịnh Văn T2.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trịnh Hải Đ sinh ngày 26 tháng 02 năm 2011 cho chị Dương Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Dương Thị Phương T trình bày đề tự thỏa thuận giải quyết, anh Trịnh Văn T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Dương Thị Phương T và anh Trịnh Văn T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Dương Thị Phương T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0008847 ngày 05 tháng 4 năm 2018; Chị Dương Thị Phương T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị Phương T, anh Trịnh Văn T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã An Lư, huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân